

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Thán và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm
2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng
8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Số C, ngõ G, đường T, quận V, thành phố Đ, Đài Loan. Có
đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1948
và bà Vũ Thị H, sinh năm 1948; đều trú tại: Xóm C, xã C, huyện T, tỉnh Hưng
Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng khác biệt về tính cách, cuộc sống không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng chị Q, anh P và hai bên gia đình đã nhiều lần cố gắng để hai vợ chồng thay đổi cuộc sống, trở nên hòa hợp nhưng không có kết quả. Giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều xích mích, cãi vã, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng. Chị Q và anh P tính đến nay đã ly thân một thời gian dài. Chị Q xác định đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc của cả hai bên. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

1.2. Về con chung: Chị Q và anh P có 02 con chung là Trần Thị Mỹ H1, sinh ngày 18/9/2009 và Trần Mỹ D, sinh ngày 16/10/2012. Chị Q đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Q lao động ở nước ngoài, chị Q ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị Q là ông Trần Quốc T, sinh năm 1948 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1948, đều trú tại xóm C, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị Q về nước. Chị Q tự thỏa thuận với anh P về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Chị Q và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn P trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại xã C, huyện H được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc hai vợ chồng khác biệt về lối sống, tính cách dẫn đến nhiều cãi vã trong cuộc sống. Hôn nhân rơi vào tình trạng căng thẳng, trầm trọng. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để hai vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh P và chị Q đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh P, anh đồng ý.

2.2. Về con chung: Chị Q và anh P có 02 con chung là Trần Thị Mỹ H1, sinh ngày 18/9/2009 và Trần Mỹ D, sinh ngày 16/10/2012. Hai con chung sống cùng anh P và bố mẹ đẻ anh P đến tháng 10/2023 thì hai cháu đã chuyển đến sinh sống cùng ông bà ngoại là ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị H tại tỉnh Hưng Yên. Nay chị

Q đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh P đồng ý để chị Q nuôi hai con với điều kiện người thân của chị Q là anh S (con trai của ông T, bà H), vợ chồng anh Ú, chị G (là con gái và con rể của ông T, bà H) phải cam đoan đảm bảo sự an toàn cho hai con anh P vì hiện anh Ú, chị G đang sống cùng ông T, bà H. Về cấp dưỡng nuôi con, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Cháu Trần Thị Mỹ H1 và cháu Trần Mỹ D là con chung của chị Q và anh P trình bày: Bố mẹ ly hôn, hai cháu đề nghị được sống cùng với mẹ. Trong thời gian chị Q làm việc ở nước ngoài, hai cháu muốn tiếp tục sống cùng ông bà ngoại cho đến khi mẹ về nước.

4. Ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị H là bố mẹ đẻ của chị Q trình bày: Ông, bà là bố, mẹ đẻ của chị Trần Thị Q. Ông bà luôn mong muốn giành những điều tốt đẹp nhất cho hai cháu. Ông, bà có địa chỉ cư trú ổn định tại xóm C, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nay chị Q và anh P ly hôn, chị Q ủy quyền cho ông, bà nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi chị Q về nước, ông, bà đồng ý. Ông, bà sẵn sàng tạo mọi điều kiện cho hai cháu được sinh sống, học tập đầy đủ nhất.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Trần Văn P. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Thị Mỹ H1, sinh ngày 18/9/2009 và Trần Mỹ D, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Q, anh P là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Trần Thị Q hiện đang ở Trung Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2009 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Q và anh P đều xác định tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, anh chị đã sống ly thân nhiều năm, không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Q xin ly hôn anh P, anh P đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q ly hôn anh P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Q và anh P có 02 con chung là Trần Thị Mỹ H1, sinh ngày 18/9/2009 và Trần Mỹ D, sinh ngày 16/10/2012. Hai anh chị đều thống nhất về việc giao hai con chung cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P cũng đồng ý về việc: Trong thời gian chị Q lao động ở nước ngoài thì chị Q uỷ quyền bố mẹ đẻ chị Q là ông T, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung của anh chị. Chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nhưng anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án quyết định mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao hai con chung cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q là 1.700.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị Q đi lao động nước ngoài thì cháu H1, cháu D do ông T, bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị Q, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Xử giao hai con chung là Trần Thị Mỹ H1, sinh ngày 18/9/2009 và Trần Mỹ D, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Trần Thị Q ủy quyền cho ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị H thay chị Q nuôi dưỡng trong thời gian chị Q ở nước ngoài. Anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.700.000 đồng/tháng/con kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Q, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000075 ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Anh Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ; chị Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Canh Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Hà